

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 126/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15-12-2023

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Dương Thị Sáu;
- Bà Nguyễn Thị Hưởng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lại Thị Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An.

Ngày 15 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 482/2023/TLST-HNGĐ ngày 12/10/2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 115/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Kim N, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

(Bà N yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07 tháng 8 năm 2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Kim N trình bày:

Bà Lê Thị Kim N và ông Nguyễn Quốc T được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2010 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 04/3/2010. Cuộc sống vợ chồng sống chung không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T không có trách nhiệm với vợ con, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác,

thường xuyên đi chơi cả ngày lẫn đêm. Dù bà N đã nhiều lần khuyên can, nhắc nhở nhưng ông T vẫn không thay đổi nên vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Trong thời gian ly thân ông T không đến thăm vợ con. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Quốc T.

Về con chung: Vợ chồng sống chung có 01 con chung tên Nguyễn Trọng Minh K, sinh ngày 26/7/2010. Khi ly hôn bà N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Quốc T trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:

Ông thông nhất với lời trình bày của bà Lê Thị Kim N về thời gian chung sống; điều kiện kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn cũng như thời gian ly thân. Trong thời gian ly thân ông không quan tâm, hỏi han bà N. Đến khi biết bà N nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, ông mới cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng bà N không tha thứ quay về. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà N thì ông không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con.

Về con chung: Vợ chồng sống chung có 01 con chung tên Nguyễn Trọng Minh K, sinh ngày 26/7/2010, hiện nay đang sống chung với bà N. Trường hợp nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N thì ông đồng ý bà N tiếp tục nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Các đương sự đều thống nhất các chứng cứ của vụ án đã được giao nộp đầy đủ và được công khai đúng thủ tục nhưng kết quả hòa giải đoàn tụ không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Lê Thị Kim N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Quốc T; ông Nguyễn Quốc T hiện đang cư trú tại ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Long An và có mặt tại địa phương nên Tòa án nhân dân huyện B thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Bà Lê Thị Kim N có yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông Nguyễn Quốc T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà N, ông T.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Kim N và ông Nguyễn Quốc T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An nên hôn nhân giữa ông bà là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong quá trình chung sống, bà Lê Thị Kim N cho rằng do cuộc sống vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, dù đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành nên vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2022 đến nay.

Tại phiên hoà giải ngày 17/10/2023, bà N cương quyết xin ly hôn ông T, ngược lại ông T không đồng ý ly hôn nhưng ông T cũng xác nhận cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn như bà N trình bày và xin gia hạn thời gian 01 tháng để tìm cách đoàn tụ. Xét thấy: Bà Lê Thị Kim N và ông Nguyễn Quốc T từ khi sống ly thân đến nay, ông T không tìm ra được biện pháp nào để vợ chồng đoàn tụ, sau khi Tòa án hoãn phiên hoà giải theo yêu cầu của ông T thì ông T không tham gia phiên hoà giải, phiên toà, không đưa ra được biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong khi bà N xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với ông T nên kiên quyết yêu cầu ly hôn. Do đó, có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa ông bà càng trầm trọng hơn, cho thấy dù đã cố gắng nhưng ông bà không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Từ những phân tích trên, thấy rằng hôn nhân giữa bà Lê Thị Kim N và ông Nguyễn Quốc T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà N đối với ông T là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về con chung: Bà Lê Thị Kim N và ông Nguyễn Quốc T thống nhất có 01 con chung tên Nguyễn Trọng Minh K, sinh ngày 26/7/2010. Trong trường hợp ly hôn bà N và ông T thống nhất để bà N tiếp tục nuôi con chung, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì bà N không yêu cầu. Con chung Nguyễn Trọng Minh K cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ nếu cha mẹ ly hôn nên sự tự nguyện thỏa thuận về con chung giữa các đương sự phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Kim N và ông Nguyễn Quốc T thống nhất trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Bà Lê Thị Kim N phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 273, Điều 483, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, 56, 81, 82, 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim N đối với ông Nguyễn Quốc T về việc “Ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Kim N được ly hôn với ông Nguyễn Quốc T.

- Về con chung: Bà Lê Thị Kim N được quyền nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Trọng Minh K, sinh ngày 26/7/2010. Ông Nguyễn Quốc T không phải cấp dưỡng nuôi con vì bà N không yêu cầu.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không nuôi con được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Kim N và ông Nguyễn Quốc T thống nhất trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0010409 ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Long An sang án phí để thi hành.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *TAND tỉnh Long An;*
- *VKSND huyện B;*
- *UBND xã L, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An (GCNKH số 30 ngày 04/3/2010;*
- *Chi cục THADS huyện B;*
- *Lưu hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Trần Thị Kim Thanh